|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM  **TRƯỜNG THCS BÁT TRÀNG** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2019 - 2020**  **MÔN:** **SINH HỌC LỚP 9**  **TIẾT 36 (KHDH)**  *Thời gian làm bài :* *45 Phút*  *(Đề có 40 câu)* | |
|  |
| *(Đề có 3 trang)* |
| Họ tên : ............................................................... Lớp : ................... | | **Mã đề** **001** |
|  | | |

**Câu 1**: Từ một noãn bào bậc I qua giảm phân sẽ tạo ra.

**A**. 4 trứng. **B**.1 trứng và 3 thể cực.

**C**. 3 trứng và 1 thể cực. **D**. 2 trứng và 2 thể cực.

**Câu 2**: Kì nào sau đây được xem là thời kì sinh trưởng của tế bào trong quá trình nguyên phân.

**A**. Kì đầu. **B**. Kì trung gian. **C**. Kì giữa. **D**. Kì sau.

**Câu 3**: Từ một tế bào trứng sau khi thụ tinh phát triển thành một cơ thể hoàn chỉnh là nhờ vào quá trình.

**A**. Nguyên phân và biệt hoá các tế bào. **B**. Sự lớn lên của tế bào.

**C**. Sự sinh sản của trứng. **D**. Sự phát triển của hợp tử.

**Câu 4**: Ở đậu Hà Lan thân cao, hạt vàng là tính trạng trội so với thân thấp, hạt xanh. Khi cho lai hai thứ đậu thuần chủng này với nhau F2 thu được các kiểu hình là.

**A**. Tất cả đều là thân thấp, hạt xanh.

**B**. Thân cao, hạt vàng : Thân thấp, hạt vàng : Thân cao, hạt xanh :Thân thấp, hạt xanh.

**C**. Tất cả đều là thân cao, hạt vàng.

**D**. Thân cao, hạt vàng : Thân thấp, hạt xanh.

**Câu 5**: Trong phép lai hai cặp tính trạng của Menden, số hợp tử được tạo ra ở F2 là.

**A**. 8 **B**. 4 **C**. 12 **D**. 16

**Câu 6**: Ở chuột, 2n = 40 NST . Hai tinh bào bậc I của chuột đều giảm phân. Số NST được tạo ra sẽ là.

**A**. 120 NST **B**.160 NST **C**. 80 NST **D**. 200 NST

**Câu 7:**Đối tượng nghiên cứu di truyền học của Menden là:

**A**. Quá trình sinh sản của sinh vật.

**B**. Sự tồn tại của sinh vật trong tự nhiên.

**C**. Các cơ thể sinh vật.

**D**. Hiện tượng di truyền và biến dị của sinh vật.

**Câu 8**: Ở chim bồ câu, câu “giới đồng tử” dùng để chỉ.

**A**. Cả chim trống và chim mái. **B**. Chim mái.

**C**. Chim trống. **D**. Chim non.

**Câu 9**: Điều kiện cần phải có trong thí nghiệm của Menden là

**A**. Bố mẹ đều không thuần chủng. **B**. Bố mẹ phải khác biệt nhau.

**C**. Bố mẹ phải giống nhau. **D**. Bố mẹ đem lai phải thuần chủng.

**Câu 10**: Cho giao phấn giữa cây bắp thân cao và cây bắp thân thấp thu được F1 : 50% cây thân cao : 50% cây thân thấp. Đây là phép lai gì.

**A**. Lai 1 cặp tính trạng. **B**. Trội không hoàn toàn.

**C**. Lai phân tích. **D**. Trội hoàn toàn.

**Câu 11**: Khi Moocgan làm thí nghiệm trên ruồi giấm, ông đã phát hiện ra điều gì.

**A**. Trội không hoàn toàn. **B**. Di truyền phân li.

**C**. Di truyền độc lập. **D**. Di truyền liên kết gen.

**Câu 12**: Ở người 2n = 46 . Sau giảm phân ở người nam tạo ra giao tử là.

**A**. 44A + XX **B**. 22A + Y

**C**. 22A + X **D**. 22 A + X và 22A + Y

**Câu 13**: Ở gà, gen D quy định lông đen, gen d quy định lông trắng. Gen M quy định chân cao, gen m quy định chân thấp. Các gen phân li độc lập với nhau.

Phải cho hai thứ gà có kiểu gen như thế nào trong các trường hợp sau để có gà toàn lông đen, chân cao và

**A**. DDMM x ddmm **B**. DdMm x DdMm **C**. Ddmm x Ddmm **D**. DdMm x ddmm

**Câu 14**: Một đoạn mạch đơn của phân tử ADN có trình tự các Nuclêotit như sau:

...X – T – X – G – A – T – X …Thì đoạn mạch bổ sung sẽ là:

**A**. … G – T – G – X – T – T – G … **B**. … G – A – G – X – U – A – G …

**C**. … X – A – G – X – T – A – G … **D**. … G – A – G – X – T – A – G …

**Câu 15**: Một đoạn AND cao 340A0 sẽ có bao nhiêu cặp Nuclêotit.

**A**. 200 cặp **B**. 10 cặp **C**. 20 cặp **D**. 100 cặp

**Câu 16**: Ở người, một tế bào sinh dưỡng có 2n = 46 NST. Có 5 tế bào cùng nguyên phân. Số nhiễm sắc thể sẽ là.

**A**. 460 NST. **B**. 230 NST. **C**. 115 NST. **D**. 345 NST.

**Câu 17**: Ta có thể quan sát rõ cấu trúc NST ở kì nào.

**A**. Kì trung gian. **B**. Kì giữa. **C**. Kì sau. **D**. Kì đầu.

**Câu 18**: Trong giảm phân các tế bào trãi qua mấy lần phân bào.

**A**. 3 **B**. 5 **C**. 4 **D**. 2

**Câu 19**: Kết thúc quá trình giảm phân từ 1 tế bào mẹ tạo ra mấy tế bào con.

**A**. 2 **B**. 4 **C**. 3 **D**. 1

**Câu 20**: Menden tìm ra quy luật sự phân li độc lập dựa trên cơ sở nào?

**A**. Các tính trạng của sinh vật di truyền phụ thuộc vào nhau.

**B**. Các tính trạng màu sắc chiếm ¾

**C**. Các tính trạng màu sắc, hình dạng luôn xuất hiện cùng nhau.

**D**. Lai 2 cặp tính trạng và tỉ lệ của từng cặp tính trạng.

**Câu 21**: Trong cơ thể, NST giới tính có chức năng .

**A**. Qui định tính trạng sinh vật. **B**. Qui định đặc điểm di truyền.

**C**. Qui định sự sinh trưởng của sinh vật. **D**. Qui định giới tính sinh vật.

**Câu 22**: Đơn phân của ARN là:

**A**. X, G, A, T **B**. A, C, U, X **C**. A, G, X, U **D**. A, T, G, X

**Câu 23**: Đơn phân của ADN gồm những loại nuclêôtit nào.

**A**. A , U , T , X **B**. A , T , G , X **C**. C , H , O , N **D**. A , U , G , X

**Câu 24**: Khi Men den cho lai 2 cặp tính trạng thì F2 tạo được bao nhiêu kiểu hình.

**A**. 2 **B**. 6 **C**. 4 **D**. 8

**Câu 25**: Ở tinh tinh có 2n = 48 NST. Một tế bào của Tinh Tinh đang ở kì sau của giảm phân II có số NST là.

**A**. 48 NST **B**. 72 NST **C**. 96 NST **D**. 24 NST

**Câu 26**: Nguyên nhân xuất hiện biến dị tổ hợp là.

**A**. Lai 2 cặp tính trạng.

**B**. Lai hữu tính.

**C**. Sự tổ hợp tại các cặp tính trạng của P làm xuất hiện kiểu hình khác P.

**D**. Kiểu hình F khác P.

**Câu 27**: Vì sao trong phép lai 1 cặp tính trạng của Menden kiểu hình F2 : 3 hoa đỏ : 1 hoa trắng

**A**. Các nhân tố di truyền trong cặp nhân tố di truyền giữ nguyên bản chất như ở P thuần chủng.

**B**. Vì F2 giống P.

**C**. Vì P tạo 2 loại giao tử ngang nhau.

**D**. Vì cơ thể P thuần chủng.

**Câu 28**: Điểm khác nhau cơ bản của quá trình giảm phân so với nguyên phân là.

**A**. Từ 1 tế bào mẹ (2n) cho 4 tế bào con (n)

**B**. Từ 1 tế bào mẹ cho ra 2 tế bào con.

**C**. Là hình thức sinh sản của tế bào.

**D**. Trãi qua kì trung gian và giảm phân.

**Câu 29**: Ở cá chép, vây đỏ trội hoàn toàn so với vây vàng.

P: Cá chép vây đỏ thuần chủng x cá chép vây vàng thuần chủng. Kết quả F1 sẽ như thế nào trong các trường hợp sau:

**A**. 100% cá chép vây vàng.

**B**. 100% cá chép vây đỏ.

**C**. 50% cá chép vây đỏ : 50% cá chép vây vàng.

**D**. 75% cá chép vây đỏ : 25% cá chép vây vàng.

**Câu 30**: Kết quả nào sau đây đúng với trường hợp trội không hoàn toàn.

**A**. F2 : Xuất hiện tính trạng lặn. **B**. F2 : 3 trội : 1 lặn

**C**. F2 : Đồng tính trạng trội. **D**. F2 : 1 trội : 2 trung gian : 1 lặn

**Câu 31**: Tỉ lệ kiểu hình F2 trong lai 2 cặp tính trạng là.

**A**. 9 : 3 : 3 : 1 **B**. 3 : 3 : 1 : 1 **C**. 3 : 1 **D**. 1 : 1

**Câu 32**: Ở bí, quả tròn là tính tạng trội (B) và quả bầu dục là tính trạng lặn (b). Nếu cho lai quả bí tròn (Bb) với quả bí bầu dục (bb) thì kết quả F1 sẽ là.

**A**. 25% BB : 50% Bb : 25% bb **B**. 100% BB

**C**. 50% Bb : 50% bb **D**. 100% Bb

**Câu 33**: Trong các phép lai sau, phép lai nào tạo nhiều hợp tử nhất.

**A**. Aa x Aa **B**. AA x AA **C**. AA x Aa **D**. Aa x aa

**Câu 34**: Kết quả của định luật phân li là

**A**. F2 đều giống nhau. **B**. F2 đề đồng tính trội.

**C**. F2 có tỉ lệ 1 trội : 1 lặn. **D**. F2 có tỉ lệ 3 trội : 1 lặn.

**Câu 35**: Trong tế bào sinh dưỡng, nhiễm sắc thể tồn tại ở dạng nào.

**A**. Bộ NST lưỡng tính. **B**. Đơn bội.

**C**. Bộ NST đặc thù. **D**. Cặp NST tương đồng.

**Câu 36**: Ở cà chua:

Gen A: Thân cao trội so với gen a: Thân thấp

Gen B: Quả đỏ trội so với gen b: Quả vàng

Cho giao phấn giữa cây cà chua thân cao, quả đở thuần chủng với cây cà chua thân thấp, quả vàng thu được F1. Cho F1 tự thụ phấn F1 có tỉ lệ kiểu hình là.

**A**. 1 : 1 : 1 : 1 **B**. 9 : 9 : 3 : 3 **C**. 3 : 3 : 1 : 1 **D**. 9 : 3 : 3 : 1

**Câu 37**: Men den đã thành công trên đậu Hà Lan là vì.

**A**. Hoa đơn tính và giao phấn.

**B**. Hoa đơn tính.

**C**. Hoa lưỡng tính và tự thụ phấn nghiêm ngặt.

**D**. Hoa lưỡng tính và sinh sản nhanh.

**Câu 38**: Trong quá trình nguyên phân, ở kì nào nhiễm sắc thể tồn tại ở dạng sợi đơn.

**A**. Kì giữa và kì cuối. **B**. Kì đầu, kì sau.

**C**. Kì sau và kì cuối. **D**. Kì trung gian, kì đầu.

**Câu 39**: Quá trình nguyên phân của nhiễm sắc thể trải qua mấy kì.

**A**. 4 Kì **B**. 3 Kì **C**. 5 Kì **D**. 6 Kì

**Câu 40**: Trong các phép lai sau, phép lai nào tạo ra nhiều kiểu gen nhất.

**A**. AaBb x AaBb **B**. AABB x aabb **C**. AABB x AaBb **D**. AaBb x aabb

----------- HẾT ----------

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT GIA LÂM  **TRƯỜNG THCS BÁT TRÀNG** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2019 - 2020**  **MÔN: SINH HỌC LỚP 9**  **TIẾT 36 (KHDH)**  *Thời gian làm bài : 45 Phút*  *(Đề có 40 câu)* | |
|  |
| *(Đề có 3 trang)* |
| Họ tên : ............................................................... Lớp : ................... | | **Mã đề 002** |
|  | | |

**Câu 1**: Kết thúc quá trình giảm phân từ 1 tế bào mẹ tạo ra mấy tế bào con.

**A**. 2 **B**. 4 **C**. 3 **D**. 1

**Câu 2**: Ở cà chua:

Gen A: Thân cao trội so với gen a: Thân thấp

Gen B: Quả đỏ trội so với gen b: Quả vàng

Cho giao phấn giữa cây cà chua thân cao, quả đở thuần chủng với cây cà chua thân thấp, quả vàng thu được F1. Cho F1 tự thụ phấn F1 có tỉ lệ kiểu hình là.

**A**. 1 : 1 : 1 : 1 **B**. 3 : 3 : 1 : 1 **C**. 9 : 3 : 3 : 1 **D**. 9 : 9 : 3 : 3

**Câu 3**: Trong các phép lai sau, phép lai nào tạo nhiều hợp tử nhất.

**A**. AA x AA **B**. Aa x Aa **C**. AA x Aa **D**. Aa x aa

**Câu 4**: Vì sao nói nhiễm sắc thể có chức năng di truyền.

**A**. NST có tính đặc thù. **B**. NST gồm 2 nhiễm sắc tử chị em.

**C**. NST là cấu trúc mang gen (ADN) **D**. NST có trong nhân tế bào.

**Câu 5**: Một đoạn mạch đơn của phân tử ADN có trình tự các Nuclêotit như sau:

...X – T – X – G – A – T – X … Thì đoạn mạch bổ sung sẽ là:

**A**. … G – A – G – X – U – A – G … **B**. … X – A – G – X – T – A – G …

**C**. … G – A – G – X – T – A – G … **D**. … G – T – G – X – T – T – G …

**Câu 6**: Ở chuột, 2n = 40 NST . Hai tinh bào bậc I của chuột đều giảm phân. Số NST được tạo ra sẽ là.

**A**.160 NST **B**. 80 NST **C**. 120 NST **D**. 200 NST

**Câu 7**: Ở cá chép, vây đỏ trội hoàn toàn so với vây vàng.

P: Cá chép vây đỏ thuần chủng x cá chép vây vàng thuần chủng. Kết quả F1 sẽ như thế nào trong các trường hợp sau:

**A**. 75% cá chép vây đỏ : 25% cá chép vây vàng.

**B**. 50% cá chép vây đỏ : 50% cá chép vây vàng.

**C**. 100% cá chép vây đỏ.

**D**. 100% cá chép vây vàng.

**Câu 8**: Trong quá trình nguyên phân, ở kì nào nhiễm sắc thể tồn tại ở dạng sợi đơn.

**A**. Kì đầu, kì sau. **B**. Kì sau và kì cuối.

**C**. Kì giữa và kì cuối. **D**. Kì trung gian, kì đầu.

**Câu 9**: Điểm khác nhau cơ bản của quá trình giảm phân so với nguyên phân là.

**A**. Trãi qua kì trung gian và giảm phân.

**B**. Từ 1 tế bào mẹ cho ra 2 tế bào con.

**C**. Từ 1 tế bào mẹ (2n) cho 4 tế bào con (n)

**D**. Là hình thức sinh sản của tế bào.

**Câu 10**: Men den đã thành công trên đậu Hà Lan là vì.

**A**. Hoa lưỡng tính và tự thụ phấn nghiêm ngặt.

**B**. Hoa đơn tính và giao phấn.

**C**. Hoa lưỡng tính và sinh sản nhanh.

**D**. Hoa đơn tính.

**Câu 11**: Ở cải bắp 2n = 18, số gen liên kết tương ứng sẽ là.

**A**. 32 **B**. 18 **C**. 9 **D**. 27

**Câu 12**: Trong các phép lai sau, phép lai nào tạo ra nhiều kiểu gen nhất.

**A**. AABB x AaBb **B**. AaBb x aabb **C**. AABB x aabb **D**. AaBb x AaBb

**Câu 13**: Vì sao trong phép lai 1 cặp tính trạng của Menden kiểu hình F2 : 3 hoa đỏ : 1 hoa trắng

**A**. Vì P tạo 2 loại giao tử ngang nhau.

**B**. Các nhân tố di truyền trong cặp nhân tố di truyền giữ nguyên bản chất như ở P thuần chủng.

**C**. Vì F2 giống P.

**D**. Vì cơ thể P thuần chủng.

**Câu 14**: Cho giao phấn giữa cây bắp thân cao và cây bắp thân thấp thu được F1 : 50% cây thân cao : 50% cây thân thấp. Đây là phép lai gì.

**A**. Trội không hoàn toàn. **B**. Trội hoàn toàn.

**C**. Lai 1 cặp tính trạng. **D**. Lai phân tích.

**Câu 15**: Điểm khác nhau cơ bản trong quá trình phát sinh giao tử cái và giao tử đực là:

**A**. Từ noãn nguyên bào sau giảm phân tạo một trứng và ba thể cực.

**B**. Từ noãn bào bậc 1 tạo ra 4 trứng

**C**. Trứng sẽ được thụ tinh

**D**. Cả trứng và thể cực sẽ tiêu biến.

**Câu 16**: Từ một noãn bào bậc I qua giảm phân sẽ tạo ra.

**A**. 4 trứng. **B**.1 trứng và 3 thể cực.

**C**. 2 trứng và 2 thể cực. **D**. 3 trứng và 1 thể cực.

**Câu 17**: Quá trình nguyên phân của nhiễm sắc thể trải qua mấy kì.

**A**. 3 Kì **B**. 6 Kì **C**. 5 Kì **D**. 4 Kì

**Câu 18**: Kết quả nào sau đây đúng với trường hợp trội không hoàn toàn.

**A**. F2 : Xuất hiện tính trạng lặn. **B**. F2 : Đồng tính trạng trội.

**C**. F2 : 3 trội : 1 lặn **D**. F2 : 1 trội : 2 trung gian : 1 lặn

**Câu 19**: Menden tìm ra quy luật sự phân li độc lập dựa trên cơ sở nào?

**A**. Các tính trạng của sinh vật di truyền phụ thuộc vào nhau.

**B**. Các tính trạng màu sắc, hình dạng luôn xuất hiện cùng nhau.

**C**. Các tính trạng màu sắc chiếm ¾

**D**. Lai 2 cặp tính trạng và tỉ lệ của từng cặp tính trạng.

**Câu 20**: Kết quả của định luật phân li là

**A**. F2 đề đồng tính trội. **B**. F2 có tỉ lệ 1 trội : 1 lặn.

**C**. F2 có tỉ lệ 3 trội : 1 lặn. **D**. F2 đều giống nhau.

**Câu 21**: Ở đậu Hà Lan thân cao, hạt vàng là tính trạng trội so với thân thấp, hạt xanh. Khi cho lai hai thứ đậu thuần chủng này với nhau F2 thu được các kiểu hình là.

**A**. Thân cao, hạt vàng : Thân thấp, hạt vàng : Thân cao, hạt xanh :Thân thấp, hạt xanh.

**B**. Thân cao, hạt vàng : Thân thấp, hạt xanh.

**C**. Tất cả đều là thân cao, hạt vàng.

**D**. Tất cả đều là thân thấp, hạt xanh.

**Câu 22**: Giảm phân là hình thức sinh sản của

**A**. Tế bào sinh dưỡng. **B**. Thời kì chín của tế bào sinh dục.

**C**. Tế bào mầm sinh dục. **D**. Hợp tử sau thụ tinh.

**Câu 23**: Trong phép lai hai cặp tính trạng của Menden, số hợp tử được tạo ra ở F2 là.

**A**. 16 **B**. 12 **C**. 8 **D**. 4

**Câu 24**: Moocgan cho lai giữa ruồi F1 thân xám, cánh dài với ruồi thân đen, cánh cụt thu được kết quả.

**A**. Toàn thân xám, cánh dài.

**B**. 3 thân xám, cánh dài ; 1 thân đen, cánh cụt.

**C**. Toàn thân đen, cánh cụt.

**D**. 1 thân xám, cánh dài ; 1 thân đen, cánh cụt.

**Câu 25**: Ở người 2n = 46 . Sau giảm phân ở người nam tạo ra giao tử là.

**A**. 44A + XX **B**. 22 A + X và 22A + Y

**C**. 22A + X **D**. 22A + Y

**Câu 26**: Thế hệ F1 trong lai 1 cặp tính trạng sẽ là

**A**. Đồng tính trạng lặn. **B**. Đều khác bố mẹ.

**C**. Đồng tính trạng trội. **D**. Đều thuần chủng.

**Câu 27**: Trong tế bào sinh dưỡng, nhiễm sắc thể tồn tại ở dạng nào.

**A**. Bộ NST lưỡng tính. **B**. Cặp NST tương đồng.

**C**. Bộ NST đặc thù. **D**. Đơn bội.

**Câu 28**: Ở người, một tế bào sinh dưỡng có 2n = 46 NST. Có 5 tế bào cùng nguyên phân. Số nhiễm sắc thể sẽ là.

**A**. 115 NST. **B**. 460 NST. **C**. 345 NST. **D**. 230 NST.

**Câu 29**: Khi cho giao phấn cây ngô thân cao (trội) thuần chủng với cây ngô thân thấp (lặn) thuần chủng. F1 thu được là.

**A**. Toàn cây thân cao. **B**. 75% cây thân thấp : 25% cây thân cao.

**C**. Toàn cây thân thấp. **D**. 50% cây thân thấp : 50% cây thân cao.

**Câu 30**: Tỉ lệ kiểu hình F2 trong lai 2 cặp tính trạng là.

**A**. 3 : 3 : 1 : 1 **B**. 9 : 3 : 3 : 1 **C**. 3 : 1 **D**. 1 : 1

**Câu 31**: Trong giảm phân các tế bào trãi qua mấy lần phân bào.

**A**. 4 **B**. 5 **C**. 3 **D**. 2

**Câu 32**: Trong cơ thể, NST giới tính có chức năng .

**A**. Qui định đặc điểm di truyền. **B**. Qui định tính trạng sinh vật.

**C**. Qui định giới tính sinh vật. **D**. Qui định sự sinh trưởng của sinh vật.

**Câu 33**: Đơn phân của ADN gồm những loại nuclêôtit nào.

**A**. C , H , O , N **B**. A , U , T , X **C**. A , T , G , X **D**. A , U , G , X

**Câu 34**: Ở tinh tinh có 2n = 48 NST. Một tế bào của Tinh Tinh đang ở kì sau của giảm phân II có số NST là.

**A**. 96 NST **B**. 24 NST **C**. 72 NST **D**. 48 NST

**Câu 35**: Nguyên nhân xuất hiện biến dị tổ hợp là.

**A**. Kiểu hình F khác P.

**B**. Lai hữu tính.

**C**. Sự tổ hợp tại các cặp tính trạng của P làm xuất hiện kiểu hình khác P.

**D**. Lai 2 cặp tính trạng.

**Câu 36**: Từ một tế bào trứng sau khi thụ tinh phát triển thành một cơ thể hoàn chỉnh là nhờ vào quá trình.

**A**. Nguyên phân và biệt hoá các tế bào. **B**. Sự sinh sản của trứng.

**C**. Sự lớn lên của tế bào. **D**. Sự phát triển của hợp tử.

**Câu 37**: Ta có thể quan sát rõ cấu trúc NST ở kì nào.

**A**. Kì sau. **B**. Kì giữa. **C**. Kì đầu. **D**. Kì trung gian.

**Câu 38**: Ở gà, gen D quy định lông đen, gen d quy định lông trắng. Gen M quy định chân cao, gen m quy định chân thấp. Các gen phân li độc lập với nhau.

Phải cho hai thứ gà có kiểu gen như thế nào trong các trường hợp sau để có gà toàn lông đen, chân cao và

**A**. Ddmm x Ddmm **B**. DDMM x ddmm **C**. DdMm x DdMm **D**. DdMm x ddmm

**Câu 39**: Phép lai giữa cá thể mang tính trạng trội chưa biết kiểu gen với cá thể mang tính trạng lặn là

**A**. Lai phân tích. **B**. Tạo giống mới.

**C**. Lai hữu tính. **D**. Tạo dòng thuần chủng.

**Câu 40**: Ở bí, quả tròn là tính tạng trội (B) và quả bầu dục là tính trạng lặn (b). Nếu cho lai quả bí tròn (Bb) với quả bí bầu dục (bb) thì kết quả F1 sẽ là.

**A**. 100% BB **B**. 25% BB : 50% Bb : 25% bb

**C**. 100% Bb **D**. 50% Bb : 50% bb

----------- HẾT ----------